

Bản án số: **36/2020/HS-ST**

Ngày: 08-05-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lãnh Văn Việt, bà Ngô Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:
Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Hồng S, sinh năm: 1982 tại Thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ A, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Là Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại chi bộ khối điều hành bảo vệ - Đảng bộ Công ty than H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1956 và con bà Hoàng Thị H9, sinh năm 1957; Có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1982 và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 07/11/2018 Nguyễn Hồng S bị Công an thành phố H, tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 188/QĐ-XPHC về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2019 đến ngày 13/9/2019 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

2. Họ và tên: Phạm Quang B, sinh năm: 1986 tại Thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ A, khu A, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Là Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam, Chi bộ khu 2A, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phạm Quang H3, sinh năm 1956 và con bà Huỳnh Thị L3, sinh năm 1964; Có vợ là Phạm Thị H, sinh năm 1991 và có 01 con, sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2019 đến ngày 13/9/2019 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

3. Họ và tên: Trần Văn Ph, sinh năm: 1986 tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ A, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Là Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam, Chi bộ khu 5, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Văn S3, sinh năm 1958 và con bà Trần Thị Th3, sinh năm 1962; Có vợ là Trần Thị Thu H1, sinh năm 1992 và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

- **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ V, khu V, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Đoàn Minh Tuyên**, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ V, khu V, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1991 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, khu A, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

3. Chị **Trần Thị Thu H1**, sinh năm 1992 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử

vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

4. Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1982 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

5. Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1956 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, khu A, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

6. Anh **Vương Tiến D**, sinh năm 1986 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số X, Tổ Y, khu Z, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

7. Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1989 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, khu 4c, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

8. Ông **Đinh Thanh T1**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 14, đường Ngô Thị Nhậm, Tổ 6, khu 6, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

9. Bà **Đặng Thị L**, sinh năm 1948 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, khu 6, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

10. Bà **Đặng Thị C**, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, khu 6, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Người làm chứng:

1. Chị **Nguyễn Thị S1**, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 14, ngõ 15, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh **Lê Văn H3**, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 14, ngõ 15, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông **Đoàn Văn P**, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

4. Cháu **Ninh Thu Th2**, sinh năm 2007 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

5. Cháu **Đoàn Minh A**, sinh năm 2009 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ V, khu V, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị H2 và chồng là anh Đoàn Văn T4 thuê đất của bà Đặng Thị L để mở Công ty A tại địa chỉ Lô 01-A4, Cienco5, tổ 6, khu 6, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình kinh doanh vợ chồng chị H2, anh Tuyến có vay tiền của một số người để đầu tư, kinh doanh, trong đó có vay tiền của bị cáo Nguyễn Hồng S, bị cáo Phạm Quang B với tổng số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng). Đến hạn trả nợ S và B đã nhiều lần đòi tiền nhưng chị H2, anh Tuyến không trả. Do công việc kinh doanh không thuận lợi chị H2, anh Tuyến đã đóng cửa công ty và đi khỏi nơi cư trú. Sau khi vợ chồng chị H2, anh Tuyến đi khỏi nơi cư trú, S và B đã nhiều lần dò hỏi, sau đó được biết thông tin chị H2 có người quen làm chủ quán trà sữa “S” ở thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang nên S và B đã bàn nhau đến quán “S” để đi tìm chị H2. Sáng ngày 23/7/2019, B có hỏi mượn chiếc xe ô tô nhãn hiệu BAIC, màu S đen, biển số 14A-359.49 của anh rể là Phạm Văn T nói đi có việc. Sau đó B nhờ bị cáo Trần Văn Ph lái xe chở S, B đi tìm chị H2. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23/7/2019, Trần Văn Ph điều khiển xe ô tô biển số 14A-359.49 chở S và B đi đến thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang, khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì đến quán trà sữa S. Đến nơi cả nhóm không vào quán mà Ph điều khiển xe ô tô đi qua quán để xem chị H2 có ở quán không nhưng không thấy chị H2 trong quán nên Ph điều khiển xe quay ra đường Quốc lộ 31 rồi đỗ xe đối diện với ngõ đi vào quán “S” để quan sát. Đến khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, B bảo Ph đi vào trong quán “S” trước xem có chị H2 không thì báo lại cho S và B biết. Ph đi bộ một mình vào quán, phát hiện thấy chị H2 đang ngồi ở cửa quán chơi với cháu Ninh Thu Th2 và cháu Đoàn Minh A (là con gái chị H2, chị S1). Ph đi vào trong quán gọi chủ quán là chị Nguyễn Thị S1 để gọi đồ uống rồi vào bàn ngồi quan sát. Đồng thời Ph điện thoại thông báo cho B biết chị H2 đang có mặt ở quán. Sau đó Ph đi ra chỗ chị H2 dùng tay khống chế tay chị H2 đẩy ra ngoài cửa quán nhưng chị H2 chống cự lại, không đi ra theo Ph. Thấy vậy, chị S1 chủ quán đã bảo cháu Đoàn Minh A là con của chị H2 chạy vào trong nhà gọi anh Lê Văn H3 là chồng chị S1 đi ra để can ngăn. Đúng lúc đó, S và B đi bộ từ ngoài đường quốc lộ vào cửa quán, khi bước vào quán thấy Ph đang giữ tay chị H2, B dùng tay phải tát vào mặt chị H2, Ph thấy vậy cũng dùng tay đánh chị H2 còn S rút trong người ra 01 chiếc bật lửa hình khẩu súng giơ về phía chị H2 đe dọa. Thấy vậy Ph đã cản S lại và giằng lấy chiếc bật lửa hình khẩu súng từ tay S mang ra xe ô tô cất rồi quay lại quán. Anh H3 đang ở trong phòng ngủ phía bên trong của quán được cháu Minh A vào gọi ra ngoài thấy cảnh xô xát giữa chị H2 và S, B, Ph nên anh H3 đã cùng chị S1 can ngăn và bảo mọi người có gì ngồi nói chuyện. S, B, Ph

nhất trí ngồi nói chuyện với chị H2 về việc giải quyết vay nợ, do chị H2 nói hiện không có tiền trả nên cả nhóm yêu cầu chị H2 về Quảng Ninh để giải quyết. Trong lúc ngồi nói chuyện thì B đi ra chỗ xe ô tô ở đường quốc lộ điều khiển xe ô tô lùi vào đỗ trước cửa quán. Còn Ph lo rằng chị H2 có thể bỏ trốn theo cửa ngách phía sau của quán nên Ph đã đi ra sân phía sau của quán để canh giới. Sau đó chị H2 có đi vào phòng ngủ phía trong quán ở gần cửa ngách sau thì bị Ph dùng chân đá vào người và yêu cầu chị H2 đi ra vị trí nói chuyện ở phía gần cửa quán bên ngoài. Khoảng 19 giờ cùng ngày, S và B đã yêu cầu chị H2 lên xe ô tô biển số 14A-359.49 để đi về tỉnh Quảng Ninh giải quyết nợ. Do trước đó bị B, S, Ph đánh và thấy S cầm chiếc bật lửa hình khẩu súng đe dọa, chị H2 tưởng súng thật nên sợ hãi đã miễn cưỡng đi lên ô tô cùng nhóm của S. Khi lên xe ô tô, chị H2 ngồi ghế phụ phía trước, S và B ngồi sau, Ph điều khiển xe ô tô để đi về tỉnh Quảng Ninh. Do không thuộc đường nên Ph điều khiển xe đi về hướng thị trấn C, huyện L khi đến ngã tư Đài Truyền hình ở thị trấn C thì rẽ phải vào một đoạn thì đến ngõ cụt. Trên đường đi, S điện thoại cho anh Đinh Thanh T1 (con trai của bà Đặng Thị L là người khóa cửa Công ty A của vợ chồng chị H2 sau khi vợ chồng chị H2 bỏ đi trốn nợ) báo đã tìm được chị H2 và đang trên đường đưa chị H2 về công ty, bảo anh Tùng mở cửa công ty cho mình. Còn Ph sau khi phát hiện đi sai đường nên đã điều khiển xe ô tô quay lại đến ngã tư thị trấn Chũ thì dừng lại để ăn đêm. Ph phân công cho B trông giữ chị H2 để S và Ph ăn trước. Ph đóng cửa xe ô tô để B ngồi trong xe trông chị H2, B xuống xe đứng cạnh ô tô hút thuốc lá trông giữ chị H2, còn S, Ph vào trong quán ăn trước. Sau khi Ph ăn xong đã đi ra xe ô tô trông giữ chị H2 để B vào quán ăn. Ăn xong, Ph điều khiển xe ô tô chở B, S và chị H2 đi về hướng huyện L, tỉnh Bắc Giang để đi sang tỉnh Quảng Ninh. Sau khi chị H2 bị nhóm của Ph bắt đưa đi chị S1, anh H3 đã thông báo cho gia đình chị H2 biết, gia đình chị H2 đã trình báo Công an huyện Lục Ngạn. Nhận được tin báo Công an huyện Lục Ngạn đã thông báo cho Công an huyện Lục Nam để phối hợp nên khi Ph điều khiển xe ô tô đến khu vực trung tâm huyện Lục Nam đã bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện Lục Nam tiến hành kiểm tra hành chính, sau đó Công an huyện Lục Ngạn đã đưa về trụ sở để làm việc. Quá trình làm việc tại Công an huyện Lục Ngạn các đối tượng Ph, S và B đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Ngày 24/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn tạm giữ chiếc xe ô tô biển số 14A-359.49 đã qua sử dụng.

Cùng ngày 24/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn tiến hành khám xét khẩn cấp đối với Nguyễn Hồng S, Phạm Quang B, Trần Văn Ph và xe ô tô biển số 14A-359.49. Kết quả: Thu giữ 01 điện thoại di động, nhãn

hiệu Iphone 6s, dung lượng 64GB, màu gold (mặt sau), mặt trước màu trắng, số imei: 35569207987173 của Phạm Quang B. Thu giữ 01 điện thoại Iphone X, dung lượng 64G, số imei: 35305309820112 của Trần Văn Ph; Khám xét xe ô tô biển số 14A-359.49 tạm giữ: 01 mũ cối màu xanh bên trong có chữ “Dung”; 01 mũ bảo hộ lao động màu trắng nhãn hiệu OEXPO; 01 khẩu súng bằng nhựa màu đen, trên thân súng một mặt có chữ “DESERT ENGLE PISTOL”, một mặt có chữ “MADE CHINA DEP” chiều dài thân súng 21cm, tay cầm 12cm, báng súng kích thước (12x5)cm được niêm Ph; 01 ví da màu nâu bên trong có một đăng ký xe ô tô BKS 14A-359.49 mang tên Phạm Văn T, 01 giấy chứng nhận xe máy chuyên dùng biển số 14LA-1501 mang tên Phạm Văn T, 01 giấy bảo hiểm ô tô số 19038881, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô số BB19002000963, 01 giấy chứng nhận kiểm định số 7985793 được niêm Ph; 01 ví da màu đen, trên có ghi chữ “H2LEATHER” bên trong có 275.000 đồng, 01 thẻ căn cước công dân số 027086000344 mang tên Trần Văn Ph, 01 giấy phép lái xe số 220113003185 mang tên Trần Văn Ph, 01 thẻ ATM màu xanh Techcombank mang tên Trần Văn Ph, 01 thẻ ATM màu vàng của ngân hàng SHB mang tên Trần Văn Ph được niêm Ph; 01 ví da màu nâu trên ví có chữ “BANDICOOT” bên trong có 10.166.000 đồng, 01 thẻ căn cước công dân số 022086001591 mang tên Phạm Quang B, 01 giấy phép lái xe số 220196001335 mang tên Phạm Quang B được niêm Ph; 01 ví da có chữ “LV” bên trong có 01 thẻ căn cước công dân số 022082004304 mang tên Nguyễn Hồng S, 01 thẻ ngân hàng TECHCOMBANK mang tên Nguyễn Hồng S, 01 thẻ ngân hàng VIETCOMBANK mang tên Nguyễn Hồng S được niêm Ph; 01 bao da bên trong chứa điện thoại Nokia 8800E1, màu nâu, số seri 358645011127099, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen số seri 1: 356950091372611, số seri 2: 356950096372616, 01 điện thoại IPHONE XSMAX màu gold, số MEID 35727409905100, 01 điện thoại di động IPHONE 5S, màu ghi, số MEID 35880505086396 được niêm Ph; 01 laptop nhãn hiệu Dell LATITUDE E7240 đã qua sử dụng được niêm Ph.

Ngày 13/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn tiến hành khám xét Công ty A tại Tổ 6, khu 6, Phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh của vợ chồng chị H2 thu giữ: 09 quyển sổ kích cỡ khác nhau; 24 túi my clear bên trong đựng giấy tờ; 10 quyển sổ kích thước khác nhau, tất cả các đồ vật trên được đựng trong hộp bìa cát tông bên ngoài ghi chữ “Supree A4” màu trắng được niêm Ph; 03 thẻ nhớ được lấy từ đầu thu camera an ninh của công ty A được niêm Ph; 147 tờ giấy được đựng trong hộp cát tông bên ngoài ghi chữ “Supree A4” màu trắng, được niêm Ph theo quy định; 01 cây máy tính, 01 màn hình máy tính đã qua

sử dụng, 01 laptop, 01 bàn phím đã qua sử dụng được niêm Ph; 01 túi my clear bên trong có tài liệu được niêm Ph trong hộp cát tông.

Cùng ngày 13/8/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Lục Ngạn tiến hành khám xét chỗ ở đối với Nguyễn Hồng S, Phạm Quang B. Kết quả: Không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Ngày 24/7/2019 và ngày 04/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã cho anh Lê Văn H3, chị Nguyễn Thị S1, cháu Đoàn Minh A và cháu Ninh Thu Thủy nhận dạng qua ảnh những người đã đến quán trà sữa S đánh và đưa chị H2 đi. Kết quả anh H3, chị S1 nhận ra người trong ảnh số 02 là Phạm Quang B, ảnh số 05 là Trần Văn Ph ảnh số 10 là Nguyễn Hồng S; cháu Anh nhận ra ảnh số 02 là Nguyễn Hồng S, ảnh số 04 là Phạm Quang B, ảnh số 05 là Trần Văn Ph; cháu Thủy nhận ra ảnh số 02 là Nguyễn Hồng S, ảnh số 04 là Phạm Quang B, ảnh số 06 là Trần Văn Ph.

Ngày 20/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn ra quyết định trưng cầu giám định 01 khẩu súng được niêm Ph trong Ph bì thư ký hiệu “số 1”. Tại bản Kết luận giám định số 1380/KL-KTHS ngày 28/8/2019 của Phòng Kỹ huật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận: Mẫu vật giám định là bột lửa hình khẩu súng, không phải vũ khí quân dụng và không có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng. Hiện tại còn sử dụng được; mẫu vật giám định không phải là vũ khí nên không tiến hành xác định mức độ sát thương.

Về vật chứng: Ngày 15/8/2019, 07/11/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Lục Ngạn đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn T 01 xe ô tô nhãn hiệu BAIC, biển số 14A-359.49 và 01 ví da màu nâu bên trong có 01 đăng ký xe ô tô biển số 14A-359.49 mang tên Phạm Văn T, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe chuyên dùng biển số 14L-1501 mang tên Phạm Văn T, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô số BB19002000963, 01 giấy bảo hiểm ô tô số 19038881, 01 Giấy chứng nhận kiểm định số 7985793. Trả lại cho chủ sở hữu là Nguyễn Hồng S 01 ví da màu đen có chữ “LV” bên trong có 01 thẻ căn cước công dân số 022082004304 mang tên Nguyễn Hồng S, 02 thẻ ngân hàng Techcombank, Vietcombank mang tên Nguyễn Hồng S; 01 bao da bên trong chứa điện thoại Nokia 8800E1; 01 laptop Dell Latitude E7240. Trả lại cho chủ sở hữu là Phạm Quang B 01 ví da màu nâu có chữ “BANDI COOT” bên trong có 10.166.000 đồng; 01 thẻ căn cước công dân số 022086001591 mang tên Phạm Quang B, 01 giấy phép lái xe số 220196001335 mang tên Phạm Quang B. Trả lại cho chủ sở hữu Trần Văn Ph 01 ví da màu đen, có chữ “H2LEATHER” bên trong có 275.000 đồng; 01 thẻ căn cước công dân số 220113003185 mang tên Trần Văn Ph; 01 giấy phép lái xe số 220113003185; 01 thẻ ATM màu xanh tên Trần Văn Ph; 01 thẻ

ATM màu xanh Techcombank mang tên Trần Văn Ph; 01 thẻ ATM màu vàng SHB mang tên Trần Văn Ph. Trả lại cho chủ sở hữu là anh Đoàn Văn T4 gồm: 09 quyển sổ kích cỡ khác nhau; 24 túi my clear bên trong đựng giấy tờ; 10 quyển sổ kích thước khác nhau; 03 thẻ nhớ được lấy từ đầu thu camera an ninh của công ty A; 147 tờ giấy được đựng trong hộp cát tông bên ngoài ghi chữ “Supree A4” màu trắng; 01 cây máy tính, 01 màn hình máy tính đã qua sử dụng, 01 laptop, 01 bàn phím đã qua sử dụng.

Ngày 26/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn ra quyết định trưng cầu giám định thương tích của chị Nguyễn Thị H2 nhưng chị H2 có đơn từ chối giám định thương tích.

Đối với bị cáo Nguyễn Hồng S có hành vi dùng chiếc bật lửa hình dạng khẩu súng chỉ vào người chị H2 không nhằm mục đích đe dọa giết chị H2 mà chỉ để dọa yêu cầu chị H2 giải quyết việc nợ nần với S nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn không xử lý đối với S về tội “Đe dọa giết người”.

Quá trình điều tra xác định sau khi bị cáo S, B và Ph giữ được chị H2 thì bị cáo S đã thông báo cho ông Nguyễn Văn Th (là bố của bị cáo S), chị Nguyễn Thị N (là vợ của bị cáo S); bị cáo Ph đã thông báo cho chị Trần Thị Thu H1 (là vợ của bị cáo Ph), anh Vương Tiến D (là bạn của bị cáo Ph); S thông báo cho anh Đinh Thanh T1 (là người cho chị H2 thuê địa điểm mở công ty), anh Phạm Văn T (là người cho các bị cáo mượn xe ô tô) và Phạm Thị H (là vợ của bị cáo B). Tuy nhiên những người trên không được tham gia bàn bạc và chỉ đạo gì về việc giữ chị H2 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn không xử lý đối với những người này.

Đối với thương tích của chị Nguyễn Thị H2 chỉ bị sưng nề vùng đỉnh, xây sát da má phải, đi điều trị tại Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn, quá trình điều tra chị đã từ chối giám định thương tích và không có yêu cầu đề nghị gì khác do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn không đặt ra xem xét xử lý.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Hồng S, Phạm Quang B đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố.

Bị hại chị Nguyễn Thị H2 vắng mặt, tuy nhiên căn cứ vào lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 23/7/2019 tại quán của chị S1, Ph là người giữ và có đánh chị. Khi B, S vào thì cả ba người dùng chân tay đánh chị, sau đó S cầm súng đe dọa chị. Khi chị H2 đi vào phía sau thay quần áo và đi ra mở cửa sau để trốn thì thấy Ph đứng đó nên chị H2 vào phòng ngủ lấy điện thoại khi ra đến cửa thì Ph đá vào chị và nói “mày đi ra ngoài ngay, định trốn à” rồi S chạy vào cùng Ph bắt chị đi ra chỗ nói chuyện thì S, B bảo đi luôn thôi rồi

đẩy chị đi ra ngoài cửa, chị đi trước, S, B, Ph đi sau. S là người mở cửa bảo chị ngồi ghế phụ phía trước, Ph lái xe. Khi đến quán ăn ở ngã tư thị trấn Chũ thì Ph là người bảo B ở lại trên xe trông không để chị trốn.

Lời khai của chị Nguyễn Thị S1, cháu Ninh Thu Thủy, Đoàn Minh A đều xác định khi chị H2 đi từ ngoài cửa vào quán thì Ph là người giữ tay và đẩy chị H2 ra ngoài cửa quán. Sau đó S, B đi vào thì chị S1, cháu Thủy xác định cả ba người cùng lao vào đánh chị H2. Chị S1 nghe thấy S nói “ giờ cho nó lên xe về Quảng Ninh giải quyết”, một lúc sau thì thấy Ph chạy ra ngoài xe mở cửa xe bên ghế lái, còn S, B bắt và đẩy chị H2 ra cửa để đi lên xe.

Lời khai của anh Lê Văn H3 thể hiện: Khi anh đang nằm trong phòng thì cháu Đoàn Minh A vào gọi thì anh đi ra, ra đến nơi thì thấy B và Ph đang giữ tay và dùng tay tát chị H2, S cầm súng bằng tay phải dí vào đầu chị H2, còn tay trái tát vào mặt chị H2, sau khi được anh can ngăn thì không đánh chị H2 nữa, rồi bốn người ngồi nói chuyện, sau khoảng 15 phút thì anh thấy Ph chạy ra ghế lái ngồi. Sau đó chị H2 đi ra, B, S đi sau, B mở cửa xe cho chị H2 lên.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS-HS ngày 05 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hồng S, Phạm Quang B, Trần Văn Ph về tội “Giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn giữ quyền công tố nhà nước tại phiên toà đã phân tích nội dung, tính chất của vụ án, mức độ hành vi của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hồng S, Phạm Quang B, Trần Văn Ph phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng S** từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (bị cáo S được trừ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2019 đến ngày 13/9/2019).

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 ; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt **Phạm Quang B, Trần Văn Ph** từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mũ cối màu xanh bên trong có chữ “Dung”; 01 (một) mũ bảo hộ lao động màu trắng nhãn hiệu OEXPO; 01 (một) bật lửa hình khẩu súng bằng nhựa màu đen, trên thân súng một mặt có chữ “DESERT ENGLE PISTOL, một mặt có chữ “MADE CHINA DEP” chiều dài thân súng 21cm, tay cầm 12cm, báng súng kích thước (12x5)cm.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động IPHONE 5S, màu ghi, số MEID 35880505086396 của Phạm Quang B; 01 (một) điện thoại iPhone X, dung lượng 64G, số MEID: 35305309820112 của Trần Văn Ph, 01 (một) điện thoại nhãn hiệu iPhone XS Max màu gold, số MEID 35727409905100, dung lượng 64Gb của Nguyễn Hồng S.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Quang B: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone 6s, dung lượng 64GB, màu gold (mặt sau), mặt trước màu trắng, số MEID: 35569207987173. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn Ph: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen số seri 1: 356950091372611, số seri 2: 356950096372616. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo S, B, Ph mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Hồng S, Phạm Quang B, Trần Văn Ph không có tranh luận gì đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phần nói lời sau cùng: Bị cáo Nguyễn Hồng S xin được hưởng mức án nhẹ nhất, bị cáo Phạm Quang B và Trần Văn Ph xin được hưởng mức án nhẹ nhất và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Lục Ngạn, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tang vật chứng thu hồi được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/7/2019, tại quán trà sữa “S” thuộc thôn P, xã P, huyện L, do có mâu thuẫn trong việc vay nợ nên Nguyễn Hồng S, Phạm Quang B và Trần Văn Ph đã có hành vi dùng chân tay đánh, dùng chiếc bật lửa hình khẩu súng đe dọa chị Nguyễn Thị H2 để yêu cầu chị H2 đi về tỉnh Quảng Ninh giải quyết. Do sợ hãi nên chị H2 buộc phải lên ô tô để các bị cáo S, B và Ph đưa về tỉnh Quảng Ninh. Trên đường về đến địa phận huyện L, tỉnh Bắc Giang đã bị cơ quan chức năng phát hiện và ngăn chặn.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Hồng S, Phạm Quang B, Trần Văn Ph đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giữ người trái pháp luật”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự. Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, nên cần được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền tự do thân thể bất khả xâm phạm của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có thể chất phát triển B thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi giữ người trái pháp luật là vi phạm pháp luật nhưng để đòi tiền nợ, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Các bị cáo đã buộc bị hại lên ô tô trái với ý muốn của bị hại để đưa đi nơi khác,

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về tính chất đồng phạm: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo phạm tội nhất thời, không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ không phân hóa vai trò với nhau, do vậy các bị cáo có vai trò như nhau trong vụ án. Trong vụ án này xuất phát từ việc bị hại là chị H2 có nợ bị cáo S và bị cáo B một khoản tiền lớn (5 tỷ đồng), đến thời hạn thanh toán chị H2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho các bị cáo mà bỏ trốn đi khỏi nơi khác khiến các bị cáo rất nhiều lần đi tìm và liên lạc mà không được. Do vậy khi biết thông tin và tìm thấy chị H2 các bị cáo đã có tâm lý bức xúc, nóng vội buộc chị H2 đi theo các bị cáo để giải quyết khoản nợ. Bản thân chị H2 cũng có một phần lỗi khi nợ các bị cáo một số tiền lớn mà không thanh toán cho các bị cáo, đi khỏi nơi cư trú khiến các bị cáo buộc phải đi tìm và dẫn đến việc giữ chị H2 trái pháp luật.

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Hồng S đã thờ cúng Liệt sỹ Nguyễn Trọng Cử đến năm 2016, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh nên bị cáo S được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Đối bị cáo Nguyễn Hồng S bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 188/QĐ-XPHC Ngày 07/11/2018 của Công an thành phố H, tỉnh Quảng Ninh nhưng bị cáo không chịu cải sửa lấy đó làm bài học mà lại thực hiện hành vi “Giữ người trái pháp luật”. Chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, khó cải tạo. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần xử bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Quang B, Trần Văn Ph: Các bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó

cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục cũng có đủ điều kiện cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt.

[5] Quá trình điều tra xác định sau khi bị cáo S, B và Ph giữ được chị H2 thì bị cáo S đã thông báo cho ông Nguyễn Văn Th (là bố của bị cáo S), chị Nguyễn Thị N (là vợ của bị cáo S); bị cáo Ph đã thông báo cho chị Trần Thị Thu H1 (là vợ của bị cáo Ph), anh Vương Tiến D (là bạn của bị cáo Ph); S thông báo cho anh Đinh Thanh T1 (là người cho chị H2 thuê địa điểm mở công ty), anh Phạm Văn T (là người cho các bị cáo mượn xe ô tô) và Phạm Thị H (là vợ của bị cáo B). Tuy nhiên những người trên không được tham gia bàn bạc và chỉ đạo gì về việc giữ chị H2 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn không xử lý đối với những người này là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị H2 không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) mũ cối màu xanh bên trong có chữ “Dung” và 01 (một) mũ bảo hộ lao động màu trắng nhãn hiệu OEXPO là vật chứng không có giá trị sử dụng; 01 (một) khẩu súng bằng nhựa màu đen, trên thân súng một mặt có chữ “DESERT ENGLE PISTOL, một mặt có chữ “MADE CHINA DEP” chiều dài thân súng 21cm, tay cầm 12cm, báng súng kích thước (12x5)cm là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy đối những vật chứng này.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động IPHONE 5S, màu ghi, số MEID 35880505086396 của Phạm Quang B; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu iPhone XSMAX màu gold, số MEID 35727409905100, dung lượng 64GB của Nguyễn Hồng S; 01 (một) điện thoại iPhone X, dung lượng 64GB, số MEID: 35305309820112 của Trần Văn Ph là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone 6s, dung lượng 64GB, màu gold (mặt sau), mặt trước màu trắng, số MEID: 35569207987173 của Phạm Quang B và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen số seri 1: 356950091372611, số seri 2: 356950096372616 của Trần Văn Ph không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo nhưng cần tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo S, B, Ph phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hồng S, Phạm Quang B, Trần Văn Ph phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng S** 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (bị cáo S được trừ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2019 đến ngày 13/9/2019).

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt **Phạm Quang B** 05 (Năm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt **Trần Văn Ph** 05 (Năm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp các bị cáo Phạm Quang B, Trần Văn Ph thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mũ cối màu xanh bên trong có chữ “Dung”, - 01 (một) mũ bảo hộ lao động màu trắng nhãn hiệu OEXPO, 01 (một) khẩu súng bằng nhựa màu đen, trên thân súng một mặt có chữ “DESERT ENGLE PISTOL, một mặt có chữ “MADE CHINA DEP” chiều dài thân súng 21cm, tay cầm 12cm, báng súng kích thước (12x5)cm.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động iPhone 5S, màu ghi, số MEID 35880505086396, 01 (một) điện thoại iPhone X, dung lượng 64G, số MEID: 35305309820112, 01 (một) điện thoại nhãn hiệu iPhone XSMAX màu gold, số MEID 35727409905100, dung lượng 64Gb;

- Trả lại cho Phạm Quang B: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone 6s, dung lượng 64GB, màu gold (mặt sau), mặt trước màu trắng, số MEID: 35569207987173 nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án;

- Trả lại cho Trần Văn Ph: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen số seri 1: 356950091372611, số seri 2: 356950096372616 nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Hồng S, Phạm Quang B và Trần Văn Ph, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- UBND phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Nhường